

Bản án số: 21/2021/DSST

Ngày: 31/5/2021

**“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đăng Hải**
Ông Đào Xuân Bồn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP H.

Bị đơn: Anh **Hoa Văn H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP H.

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966.

+ Bà **Nguyễn Thị L** sinh năm 1966

+ Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP H.

Có mặt: Anh D, anh H, chị T, anh T

Vắng mặt: Chị T, chị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Khoảng năm 1996 – 1997 gia đình anh có kinh doanh bán xe đạp Phượng Hoàng, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L ở thôn D, xã T, huyện S, TP H có mua của anh 01 chiếc xe đạp, nhưng chưa trả tiền. Do anh chị không có tiền trả nên năm 2002 anh chị đã bán đất cho vợ chồng anh để trừ nợ. Lúc đầu vợ chồng anh T định bán cho vợ chồng anh vị trí đất ở phía Bắc thửa đất của nhà anh T có chiều rộng là 6 mét, tuy nhiên do phần đất này có móng nhà cũ của bố mẹ anh T nên các anh em của anh T không đồng ý, vì vậy anh T đã chuyển sang bán cho vợ chồng anh phần diện tích đất ở phía Nam thửa đất của anh T giáp với ao nhà ông B. Do vị trí đất ở phía Nam là đất lồi lõm, thung trũng nên vợ chồng anh T đã cho thêm vợ chồng anh 2m đất chiều rộng và toàn bộ phần diện tích đất lồi lõm và đất bờ ao. Hai bên thỏa thuận mua bán với giá 3.000.000đ và viết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/9/2002.

Sau khi thỏa thuận mua bán đất xong anh có nhờ cán bộ địa chính vào đo đạc diện tích đất mà anh T bán cho vợ chồng anh. Do khi đó đất giáp ao và trồng tre nên hai bên chỉ đo được cạnh mặt đường phía Đông là 8 mét, Phía Tây là 9,5m, Phía Bắc là 20,8m, Phía Nam là 20,8m còn bờ ao khi đó hai bên là ao và trên bờ trồng toàn bộ là tre nên không đo và thống nhất cắt theo bản đồ. Sau khi đo đạc xong về cán bộ địa chính cắt trên bản đồ địa chính xác định đất gia đình anh mua của nhà anh T có diện tích 257m².

Từ khi mua đất của vợ chồng anh T đến nay do chưa có nhu cầu sử dụng nên đất vợ chồng anh vẫn để không và chưa xây dựng công trình gì trên đất. Toàn bộ tường bao xây xung quanh là do các hộ liền kề xây dựng, anh chưa xây dựng bất cứ công trình gì trên đất.

Năm 2017 anh Hoa Văn H có đất ao giáp với phần diện tích đất bờ ao phía Tây Nam mà gia đình anh mua của anh T đã xây dựng tường bao và làm xường lợp mái tôn lấn sang một phần diện tích đất của gia đình anh với diện tích đất là 12,7m².

Nay anh đề nghị anh Hoa Văn H trả lại gia đình anh 12,7m² đất đã lấn chiếm của gia đình anh theo kết quả đo đạc của cơ quan đo đạc khi Tòa án nhân dân huyện S về xem xét thẩm định tài sản. Đề nghị anh H tháo dỡ toàn bộ các công trình đã xây dựng trên đất để trả lại đất cho vợ chồng anh. Anh đồng ý với kết quả thẩm định và định giá ngày 10/01/2020.

Bị đơn anh Hoa Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 06 tại thôn D, xã T, huyện S, TP H là của bố anh để lại cho anh. Thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh chỉ biết ao nhà anh trước kia dùng để thả bè nuôi lợn, không có bờ mà nhà anh T sử dụng bờ ao để trồng tre. Trước kia bờ ao không thẳng mà vòng cung nên giữa bố anh và anh T thỏa thuận bờ ao nhà anh T sử dụng là rộng 2 mét (thỏa thuận miệng không có giấy tờ). Đến năm 2016 gia đình anh đổ đất vào ao và tiến hành xây tường bao xung quanh ao, anh có nhờ anh T là chủ sử dụng bờ ao xây tường cho anh để xác định ranh giới đất ao giữa gia đình anh và bờ ao nhà anh T luôn. Khi anh T xây tường bao cho gia đình anh cũng không thấy anh T nói gì về việc anh T đã bán bờ ao này cho anh D.

Sau khi anh xây bờ tường xong được một thời gian thì anh D mới đến và nói đã mua bờ ao này của anh T và gia đình anh đã xây lấn sang đất mà anh D đã mua của anh T và anh D có đơn gửi thôn D và UBND xã T giải quyết nhưng không thành. Do quá trình giải quyết kéo dài, đi lại nhiều lần mệt mỏi nên đến ngày 31/5/2019 tại buổi hòa giải tại UBND xã T anh và anh D đã thống nhất thỏa thuận giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất anh đã xây tường bao và anh trả cho anh D số tiền 30.000.000đ. Tuy nhiên khi đi về đến nhà ông Đ để thanh toán tiền thì anh D không đến và anh D nói vợ anh D bảo giá bè bọt nên không đồng ý và anh D đã gửi đơn lên Tòa án nhân dân huyện S.

Nay anh D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết buộc anh phải trả cho gia đình anh D diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình anh D là 12,7m² thì anh không đồng ý vì anh không lấn chiếm đất của nhà anh D. Khi anh xây tường anh T là chủ sử dụng đất ban đầu của bờ ao này đã trực tiếp xây tường bao cho nhà anh và xác định ranh giới đất giữa ao nhà anh và bờ ao nhà anh T là 2 mét, anh T là người trực tiếp xác định ranh giới và xây tường bao. Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại thôn và xã, anh T xác định có bán bờ ao cho nhà anh D và nói bán với chiều rộng bờ ao là 2 mét chạy thẳng chứ không phải là diện tích như vậy và khi đo đạc lên bản đồ anh T cũng không có mặt để xác định mốc giới, gia đình anh và gia đình ông B cũng không được gọi ra để xác định mốc giới. Hiện tại anh T là chủ cũ của đất vẫn xác định bờ ao chỉ có chiều rộng 2 mét và chiều dài chạy hết đất. Vì vậy anh D nói gia đình anh xây lấn sang đất nhà anh D là không có căn cứ. Anh đồng ý với kết quả thẩm định và định giá ngày 10/01/2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về nguồn gốc bờ ao hiện đang tranh chấp giữa gia đình anh Nguyễn Văn D và anh Hoa Văn H: Bờ ao này trước kia nằm giữa ao nhà ông Nguyễn Văn B và ông Hoa Văn L (Ông L là bố đẻ của anh Hoa Văn H) sau ông L cho anh H sử dụng ao. Ao nhà ông L và ao nhà ông B không có bờ mà bờ ao là do bố anh sử dụng trồng tre. Bờ ao này anh được biết từ thời bố anh cho đến nay thì gia đình anh đã sử dụng bờ ao này chỉ để trồng

tre chứ không sử dụng để làm lối đi bao giờ.

Quá trình sử dụng đất bố anh cho vợ chồng anh sử dụng thửa đất của bố mẹ và đồng thời sử dụng luôn bờ ao này. Trong quá trình sử dụng bờ ao này giữa anh và bố anh H xác định bờ ao rộng 02 mét.

Năm 2002 vợ chồng anh chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn D một phần thửa đất của gia đình. Mới đầu vợ chồng anh chuyển nhượng cho anh D ở phía Đông 06m nhưng sau đó anh lại thỏa thuận chuyển nhượng cho anh D một phần thửa đất ở phía Tây là 8m chiều rộng mặt đường và có thỏa thuận cho thêm bờ ao. Khi thỏa thuận cho anh D bờ ao này lúc đó trồng tre không đo được nhưng anh có bảo với anh D là bờ ao này chỉ có 02 mét.

Năm 2016 khi anh Hoa Văn H lấp ao thì có nhờ anh ra xây cho khu nhà xưởng mái tôn hiện nay. Do anh xác định bờ ao này chỉ có 02 mét nên anh đo đúng 02 mét và xây cho nhà anh H. Vị trí bờ tường anh xây cho nhà anh H vẫn nằm dưới ao chứ không phải nằm trên bờ ao nhà anh đã chuyển nhượng cho anh D. Khi anh xây cho nhà anh H là đúng mốc giới và không xây sang đất bờ ao của nhà anh đã chuyển nhượng cho anh D.

Nay anh D khởi kiện yêu cầu anh H trả lại 12,7m² đất tranh chấp thì quan điểm của anh là bờ ao khi anh cho anh D không đo đạc cụ thể diện tích đất bờ ao vì trên đó trồng tre nhưng anh đã nói rõ với anh D là bờ ao này rộng 2 mét nên anh D yêu cầu anh H trả đất là không có căn cứ. Còn phần diện tích đất bờ ao còn lại nhà anh D đang sử dụng anh xác định anh đã cho nhà anh D nên anh không có yêu cầu gì. Tại phiên tòa hôm nay, anh T xuất trình cho Hội đồng xét xử 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S cấp cho ông Nguyễn Văn T, sinh 1966, sổ vào sổ H0039 ngày 29/7/2005 đối với thửa đất số 167, tờ 06, diện tích 621m², địa chỉ thửa đất thôn D T, xã T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn D. Về quá trình mua đất của anh T và quá trình sử dụng thửa đất này chị xác nhận đúng như lời trình bày của anh D. Nay chị đề nghị anh Hoa Văn H trả lại vợ chồng chị 12,7m² đất đã lấn chiếm của gia đình chị và tháo dỡ các công trình trên diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 06 tại thôn D, xã T, huyện S, TP H là đất của bố chồng chị để lại cho chồng chị là anh Hoa Văn H. Quá trình sử dụng đất anh H là người quản lý, sử dụng đất nên chị không biết. Nay anh Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu anh Hoa Văn H trả 12,7m² đất thì quan điểm của chị để cho anh H đứng ra giải quyết, chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành tương đối đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án hoãn phiên tòa ngày 5/2/2021, nhưng đến hôm nay mới mở lại phiên tòa là vi phạm Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị đưa anh chị em của anh H vào tham gia tố tụng nhưng Tòa án không đưa, nên chưa đủ căn cứ giải quyết vụ án, đề nghị tạm dừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D yêu cầu anh Hoa Văn H trả lại 12,7m² đất tại thôn D, xã T, huyện S, TP H, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị T. Đối với chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa ngày 5/02/2021 nhưng chị vắng mặt không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định anh Nguyễn Văn D đang quản lý, sử dụng thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 06. Anh Hoa Văn H đang quản lý, sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 06. Hiện tại cả 02 thửa đất trên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nguồn gốc thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 06 tại thôn D, xã T, huyện S, thành phố H là anh Nguyễn Văn D nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn T ngày 20/9/2002 có xác nhận của UBND xã T. Trong quá trình Tòa án làm việc với anh T là người chuyển nhượng đất cho anh D, anh T có xác nhận việc anh đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn D một phần diện tích đất ở phía Nam thửa đất của gia đình anh có chiều rộng mặt đường giáp ngõ là 8m, chiều dài hết đất và có cho thêm bờ ao. Việc chuyển nhượng đất giữa anh D và anh T có lập Hợp đồng và có xác nhận của UBND xã T, các bên đã bàn giao đất cho nhau và không có tranh chấp gì, nên căn cứ Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết án dân sự và hôn nhân gia đình xác định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D và anh T là

hợp pháp. Vì vậy, anh D có toàn quyền đối với phần diện tích đất anh đã nhận chuyển nhượng của anh T được thể hiện tại trích lục bản đồ kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng là thửa đất số 79a, tờ bản đồ 06 có diện tích 257m².

Nguồn gốc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 06 tại thôn D, xã T, huyện S, thành phố H là đất ao của ông Hoa Văn L để lại và hiện con trai là anh Hoa Văn H đang sử dụng có diện tích 226m². Năm 2016 anh Hoa Văn H đổ đất lấp ao, xây tường bao và làm xường lợp mái tôn nên xảy ra tranh chấp với anh Nguyễn Văn D. Theo bản đồ lưu giữ tại UBND xã T thể hiện thửa đất của gia đình anh T và gia đình anh H đã được đo vẽ vào bản đồ năm 1987 theo đó thửa đất của gia đình anh T thể hiện tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 07 diện tích 618m², thửa đất của gia đình anh H thể hiện tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07 diện tích 223m², theo bản đồ năm 1992 được sở địa chính H nghiệm thu năm 1996 xác định thửa đất của gia đình anh H là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 06 diện tích 226m². Thửa đất của gia đình anh T là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 06 diện tích 706m². Theo như bản đồ năm 1987 thì không thấy thể hiện phần diện tích đất tranh chấp giữa anh D và anh H nằm trên thửa đất gốc của nhà anh T. Tuy nhiên bản đồ năm 1987 không được Nhà nước nghiệm thu nên chỉ có giá trị tham khảo, mặt khác bản thân anh D, anh H, anh T đều xác định gia đình anh T đã sử dụng bờ ao này từ thời bố mẹ anh T và nguyên thủy là đường đi của các cụ nhà anh T (trước năm 1993), còn gia đình anh H chỉ sử dụng lòng ao chứ ao không có bờ nên hoàn toàn phù hợp với hiện trạng đo vẽ của bản đồ năm 1992. Do thửa đất số 79a và thửa đất số 81 đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1992 đã được sở địa chính Hà Nội nghiệm thu năm 1996 làm căn cứ giải quyết vụ án. Trên bản đồ địa chính năm 1992 thể hiện cạnh phía Đông của thửa 80, 81 giáp thửa 79a là 01 đường thẳng. Tuy nhiên theo hồ sơ đo vẽ hiện trạng thửa đất số 79a và thửa đất số 81 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và xây dựng Hồng Hà thì phần công trình lợp tôn và 01 phần tường bao của gia đình anh H đã tạo thành đoạn gẫy khi kéo từ điểm góc giáp ranh thửa 80 với thửa 81 nhà anh H, diện tích anh H làm xường và xây tường bao sang khỏi phần đường thẳng kéo từ thửa 80 sang là 12,7m² nằm trong thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 06 tại thôn D, xã T, huyện S, thành phố H của anh Nguyễn Văn D. Anh T và anh H khai trong quá trình sử dụng giữa bố anh H và anh T đều xác định bờ ao rộng 02 mét, tuy nhiên ngoài lời khai của anh T và anh H không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh phần bờ ao hiện đang tranh chấp giữa anh D và anh H rộng 02m nên cần phải buộc anh Hoa Văn H phải trả lại cho anh Nguyễn Văn D 12,7m² đất là đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay anh T xuất trình 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S cấp cho ông Nguyễn Văn T, sinh 1966, sổ vào sổ H0039 ngày 29/7/2005 đối với thửa đất số 167, tờ 06, diện tích 621m², địa chỉ thửa đất thôn D, xã T. Anh T khẳng định ngoài thửa đất số 79, gia đình anh không sử dụng thửa đất ở nào khác và cũng

không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nào khác. Như vậy có đủ căn cứ xác định thửa đất số 79 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện S xác định trên phần đất tranh chấp vợ chồng anh Hoa Văn H có xây dựng nhà mái tôn khung thép, tường vây tôn cao trên 03m và 01 đoạn tường bao. Do yêu cầu của anh D được chấp nhận nên thấy cần thiết buộc vợ chồng anh Hoa Văn H tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm của gia đình anh D để trả lại hiện trạng đất ban đầu cho nhà anh D.

Tại Biên bản định giá ngày 10/01/2020, Hội đồng định giá xác định:

Đất ở: $12,7m^2 \times 2.000.000đ/m^2 = 25.400.000đ$

Nhà mái tôn: $1.415.000đ/m^2 \times 8m^2 = 11.320.000đ$

Đối với yêu cầu đưa các anh chị em của anh H tham gia tố tụng của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 81 và thửa 79a. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H đều xác nhận khi anh đổ đất lấp ao và khi anh xây nhà xưởng, các anh chị em nhà anh biết nhưng không có ý kiến gì; công trình xây dựng lấn chiếm là của anh H, thửa đất ao số 81 anh H đang trực tiếp quản lý; Tòa án không giải quyết để xác định quyền sử dụng thửa đất số 81 thuộc về ai, nên yêu cầu của Viện kiểm sát không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh D nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả anh D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 130, 131, 690 Bộ luật dân sự năm 1995.

Căn cứ Điều 73, 75 Luật đất đai năm 1993.

Căn cứ Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D với anh Hoa Văn H.

2, Buộc anh Hoa Văn H phải trả lại anh Nguyễn Văn D 12,7m² đất tại thửa đất số 79a, tờ bản đồ số 06 thôn D, xã T, huyện S, thành phố H, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5 (có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc vợ chồng anh Hoa Văn H tháo dỡ toàn bộ các công trình trên phần diện tích đất lấn chiếm để trả lại đất cho anh Nguyễn Văn D.

3. Về án phí: Anh Hoa Văn H phải chịu 1.836.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn D được hoàn trả lại số tiền 1.750.000đ anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện S theo biên lai thu số 0018302 ngày 17.12.2019.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh D, anh H, chị T, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Tm. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Quang Khanh

